TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ - ST.
Ngày: 14 – 01 – 2022.
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Phước.

2. Ông Thạch Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2021/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lương Văn P, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Mỹ H, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lương Văn P trình bày:

Vào năm 2017, ông Lương Văn P và bà Trần Mỹ H chung sống và kết hôn với nhau theo phong tục, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đăng ký ngày 13/4/2017. Sau khi kết hôn, ông P và bà H chung sống hạnh phúc được một thời gian, tuy nhiên đến tháng 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng thường xuyên cải nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Do mâu thuẫn gay gắt nên ông P và bà H đã sống ly thân từ đó đến

nay. Trong quá trình chung sống, ông P và bà H có 01 người con chung tên Lương Bảo N, sinh ngày 24/02/2018, hiện nay cháu N đang sống chung với ông P. Quá trình chung sống ông và bà H không có tài sản chung và nợ chung.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 31 tháng 12 năm 2021, ông Lương Văn P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với bà Trần Mỹ H; về con chung xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lương Bảo N đến khi thành niên, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn bà Trần Mỹ H:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà H, nhưng bà không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà H 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà H để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lương Văn P.

+ Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Giao con chung là cháu Lương Bảo N, sinh ngày 24/02/2018 cho ông Lương Văn P được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà Trần Mỹ H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông P không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Ông Lương Văn P xác định trong thời gian chung sống ông và bà Trần Mỹ H không có tài sản chung, ông không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Ông Lương Văn P xác định trong thời gian chung sống ông và bà Trần Mỹ H không có nợ chung, ông không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn ông Lương Văn P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và ông P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Trần Mỹ H từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà H nhưng bà không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà H hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa bị đơn bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông P và bà H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Văn P và bà Trần Mỹ H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đăng ký ngày 13/4/2017. Hôn nhân của ông P và bà H tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà H là hợp pháp. Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 24/02/2021, ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và ại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 31/12/2021 ông P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Trần Mỹ H với lý do trong quá trình chung sống đến tháng 02/2019 thì hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cải nhau dẫn đến mâu thuẫn gay gắt, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và ông, bà đã sống ly thân từ tháng đó cho đến nay. Từ khi ông P chính thức xin ly hôn đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với bị đơn bà Trần Mỹ H, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà H biết nhưng bà không có ý kiến phản đối gì và cũng không trình bày ý kiến gì cho Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông P và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông P được ly hôn với bà H.

[3] Về con chung: Ông Lương Văn P xác định trong thời gian chung sống, ông và bà H có 01 người con chung tên Lương Bảo N, sinh ngày 24/02/2018, hiện nay cháu N đang chung sống với ông P. Trong quá trình giải quyết vụ án ông P xác định từ khi ông và bà H ly thân thì ông là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và hiện nay cháu vẫn đang chung sống với ông nên ông xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến khi thành niên, không yêu cầu bà Trần Mỹ H cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế ông P đã không còn chung sống với bà H từ tháng 02/2019 cho đến nay, trong khoảng thời gian này cháu N chung sống với ông P, do ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu N đã ổn định về mọi mặt; việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu N cho ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Trần Mỹ H mà không ai được ngăn cản.

[4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Trong qua trình giải quyết vụ án, ông Lương Văn P không có yêu cầu bà Trần Mỹ H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lương Văn P xác định ông và bà Trần Mỹ H không có tài sản chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[6]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lương Văn P xác định ông và bà Trần Mỹ H không có nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[7]. Về án phí: Ông Lương Văn P phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bà Trần Mỹ H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Văn P được ly hôn với bà Trần Mỹ H.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Lương Bảo N, sinh ngày 13/4/2017 cho ông Lương Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi thành niên; bà Trần Mỹ H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông P không yêu cầu. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Trần Mỹ H mà không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Ông Lương Văn P xác định ông và bà Trần Mỹ H không có tài sản chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Lương Văn P xác định ông và bà Trần Mỹ H không có nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lương Văn P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007888 ngày 14/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Như vậy, ông P đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Mỹ H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Đức;
- Chi cục T.H.A DS huyện Long Phú;
- Lưu (HS, VP).

Lê Hoàng Bảo